**Test Scenarios For A Window**

1. Check if the default window size is correct.

Kiểm tra xem size mặc định của window có đúng hay không.  
2. Check if the child window size is correct.

Kiểm tra xem size cửa sổ window con có đúng hay không  
3. Check if there is any field on the page with default focus (in general, the focus should be set on the first input field of the screen).

Kiểm tra nếu như có bất kỳ miền nào ở trong trang được mặc định là focus vào thì có được focus vào đầu tiên để nhập giá trị hay không  
4. Check if child windows are getting closed on closing parent/opener window.

Kiểm tra xem cửa số window con có được đóng khi thực hiện việc đóng hoặc mở cửa sổ cha (parent window)  
5. If the child window is opened, the user should not be able to use or update any field in the background or parent window

Nếu như cửa sổ con được mở thì người dùng không thể sử dụng hoặc cập nhập giá trị ở trên nền hoặc cửa sổ cha. Kiểm tra xem điều này có thực hiện đúng hay không.  
6. Check window minimize, maximize, and close functionality.

Kiểm tra size tối thiểu và lớn nhất của cửa số window và chức năng đóng cửa sổ.  
7. Check if the window is re-sizable.

Kiểm tra tính năng thay đổi size của window.  
8. Check scroll bar functionality for parent and child windows.

Kiểm tra chức năng cuộn cửa sổ cho các cửa sổ cha và các cửa sổ con.  
9. Check cancel button functionality for the child window.

Kiểm tra chức năng cancel của button cho các cửa số con. Xem rằng việc cancel có được thực thi hay không.

#### Test Scenarios For Excel Export Functionality

1. The file should get exported in the proper file extension.

Kiểm tra xem miền phần mở rộng của file (ví dụ .doc, .csv,…) có hợp lệ cho file được xuất ra không.   
2. The file name for the exported Excel file should be as per the standards, **For Example,** if the file name is using the timestamp, it should get replaced properly with an actual timestamp at the time of exporting the file.

Kiểm tra xem tên của file đã được xuất phải được đặt theo tiêu chuẩn – ví dụ nếu tên file sử dụng timestamp, tên này nên được thay thế sao cho phù hợp với timestamp thực tế với thời gian export file.  
3. Check for date format if exported Excel file contains the date columns.

Kiểm tra định dạng date nếu tệp excel được xuất chứa các cột ngày tháng.  
4. Check number formatting for numeric or currency values. Formatting should be the same as shown on the page.

Kiểm tra định dạng số cho các giá trị số hoặc giá trị tiền tệ. Việc định dạng phải giống như những gì được hiện trên trang.

5. The exported file should have columns with proper column names.

File được xuất phải có các cột với tên cột thích hợp.  
6. Default page sorting should be carried in the exported file as well.

Việc sắp xếp các trang mặc định nên được thực hiện trong các file được xuất sẽ tốt hơn.   
7. Excel file data should be formatted properly with header and footer text, date, page numbers, etc. values for all pages.

Dữ liệu file excel phải được định dạng đúng với các text ở header và footer, ngày tháng, số trang,… và tất cả các giá trị của trang.  
8. Check if the data displayed on a page and exported Excel file is the same.

Kiểm tra xem biểu diễn dữ liệu trên một trang và trong các file đã được xuất có giống nhau hay không.  
9. Check export functionality when pagination is enabled.

Kiểm tra chức năng xuất file khi có sự phân trang.  
10. Check if the export button is showing proper icon according to the exported file type, **For Example,** Excel file icon for xls files

Kiểm tra nếu button export hiển thị icon có phù hợp với loại file sẽ được export hay không. Ví dụ, icon dành cho file excel.  
11. Check export functionality for files with very large size.

Kiểm tra chức năng xuất file cho các loại file có dung lượng rất lớn.  
12. Check export functionality for pages containing special characters. Check if these special characters are exported properly in the Excel file.

Kiểm tra chức năng xuất file cho các trang chứa kí tự đặc biệt. Xem rằng các kí tự đặc biệt đó có được xuất ra đúng trong file excel không.

### **Security Testing Test Scenarios**

1. Check for SQL injection attacks.

Kiểm tra có bị tấn công bởi SQL injection hay không.  
2. Secure pages should use the HTTPS protocol.

Nên sử dụng giao thức HTTPS cho các trang bảo mật.  
3. Page crash should not reveal application or server info. The error page should be displayed for this.

Khi gặp sự cố không nên hiểu thị thông tin của application hoặc của server. Trang thông báo lỗi sẽ thông báo điều đó.  
4. Escape special characters in the input.

Nên loại bỏ các kí tự đặc biệt cho đầu vào.

5. Error messages should not reveal any sensitive information.

Một thông báo lỗi không nên tiếc lộ bất kỳ giá trị nhạy cảm nào.  
6. All credentials should be transferred over an encrypted channel.

Tất cả thông tin đăng nhập nên được chuyển qua mã hóa.  
7. Test password security and password policy enforcement.

Kiểm tra bảo mật mật khẩu và các chính sách của mật khẩu.  
8. Check application logout functionality.

Kiểm tra chức năng đăng xuất xem có thật sự đã đăng xuất hay không.  
9. Check for Brute Force Attacks.

Kiểm tra tấn công Brute Force.  
10. Cookie information should be stored in encrypted format only.

Những thông tin được lưu trong cookie phải được mã hóa.  
11. Check session cookie duration and session termination after timeout or logout.

Kiểm tra thời lượng của một phiên cookie và kết thúc phiên sai khi timeout (hết thời lượng) hoặc đăng xuất.  
11. Session tokens should be transmitted over a secured channel.

Token của session phải được chuyển sang bảo mật.  
13. The password should not be stored in cookies.

Mật khẩu không nên lưu trữ vào cookie.  
14. Test for Denial of Service attacks.

Kiểm tra xem có bị tấn công đang Denial of Service hay không.  
15. Test for memory leakage.

Kiểm tra việc dò rỉ bộ nhớ.  
16. Test unauthorized application access by manipulating variable values in the browser address bar.

Kiểm tra quyền truy cập ứng dụng bằng các thao tác các giá trị biến trên thanh trình duyệt.  
17. Test file extension handing so that exe files are not uploaded and executed on the server.

Kiểm tra việc phân phối phần mở rộng tệp để các tệp exe không được tải lên và thực thi trên máy chủ.  
18. Sensitive fields like passwords and credit card information should not have to autocomplete enabled.

Các trường nhạy cảm như mật khẩu và thông tin thẻ tín dụng không nên bật tính năng tự động điền.  
19. File upload functionality should use file type restrictions and also anti-virus for scanning uploaded files.  
20. Check if directory listing is prohibited.

Kiểm tra xem danh sách thư mục có bị cấm không.  
21. Passwords and other sensitive fields should be masked while typing.

Mật khẩu và các trường nhạy cảm khác nên được sử dụng kí tự để che trong khi nhập.  
22. Check if forgot password functionality is secured with features like temporary password expiry after specified hours and security question is asked before changing or requesting a new password.

Kiểm tra xem chức năng quên mật khẩu có được bảo mật bằng các tính năng như mật khẩu tạm thời hết hạn sau giờ quy định và câu hỏi bảo mật được hỏi trước khi thay đổi hoặc yêu cầu mật khẩu mới.

23. Verify CAPTCHA functionality.

Sử dụng chức năng CAPTCHA để xác nhận.  
24. Check if important events are logged in log files.

. Kiểm tra xem các sự kiện quan trọng có được log vào các file log hay không.  
25. Check if access privileges are implemented correctly.

Kiểm tra xem các đặc quyền truy cập có được thực hiện chính xác hay không.

#### Test Scenarios For Filter Criteria (Các tình huống thử nghiệm cho tiêu chí bộ lọc)

1. The user should be able to filter results using all parameters on the page.

Người dùng có thể lọc kết quả bằng cách sử dụng tất cả các tham số trên trang.

2. Refine search functionality should load the search page with all user-selected search parameters.

Tinh chỉnh chức năng tìm kiếm sẽ tải trang tìm kiếm với tất cả các tham số tìm kiếm do người dùng lựa chọn.  
3. When there are at least one filter criteria required to perform the search operation, make sure the proper error message is displayed when the user submits the page without selecting any filter criteria.

Khi có ít nhất một tiêu chí bộ lọc được yêu cầu để thực hiện thao tác tìm kiếm, hãy đảm bảo rằng thông báo lỗi thích hợp được hiển thị khi người dùng gửi trang mà không chọn bất kỳ tiêu chí bộ lọc nào.

4. When at least one filter criteria selection is not compulsory, the user should be able to submit the page and the default search criteria should get used to query results.

Khi ít nhất một lựa chọn tiêu chí bộ lọc là không bắt buộc, người dùng sẽ có thể gửi trang và tiêu chí tìm kiếm mặc định sẽ được sử dụng để truy vấn kết quả.

5. Proper validation messages should be displayed for all invalid values for filter criteria.

Thông báo xác thực thích hợp sẽ được hiển thị cho tất cả các giá trị không hợp lệ cho tiêu chí bộ lọc.

#### Test Scenarios For Result Grid

9. Result grids should be displayed with proper column and row spacing.

Lưới kết quả phải được hiển thị với khoảng cách cột và hàng thích hợp.  
10. Pagination should be enabled when there are more results than the default result count per page.

Phân trang nên được bật khi có nhiều kết quả hơn số lượng kết quả mặc định trên mỗi trang.  
11. Check for Next, Previous, First and Last page pagination functionality.

Kiểm tra chức năng phân trang trang Tiếp theo, Trước đó, Đầu tiên và Cuối cùng.

12. Duplicate records should not be displayed in the result grid.

Các bản ghi trùng lặp không được hiển thị trong lưới kết quả  
13. Check if all the columns are visible and a horizontal scrollbar is enabled if necessary.

Kiểm tra xem tất cả các cột có hiển thị hay không và thanh cuộn ngang được bật nếu cần.  
14. Check the data for dynamic columns (columns whose values are calculated dynamically based on the other column values).

Kiểm tra dữ liệu cho các cột động (các cột có giá trị được tính toán động dựa trên các giá trị của cột khác).

15. For result grids showing reports check ‘Totals’ row and verify the total for every column.

Đối với lưới kết quả hiển thị báo cáo, hãy kiểm tra hàng "Tổng cộng" và xác minh tổng số cho mọi cột.

16. For result grids showing reports check ‘Totals’ row data when pagination is enabled and the user gets navigated to the next page.

Đối với lưới kết quả hiển thị báo cáo, hãy kiểm tra dữ liệu hàng 'Tổng số' khi phân trang được bật và người dùng được điều hướng đến trang tiếp theo.  
17. Check if proper symbols are used for displaying column values e.g. % symbol should be displayed for percentage calculation.

Kiểm tra xem các ký hiệu thích hợp được sử dụng để hiển thị các giá trị cột, ví dụ: Biểu tượng % sẽ được hiển thị để tính toán phần trăm.

18. Check result grid data to know if the date range is enabled.

Kiểm tra dữ liệu lưới kết quả để biết phạm vi ngày có được bật hay không.

### **The Complete Checklist (Test Cases) For Most Common Components Of AUT**

**Note: You can use these checklists as it is in Microsoft Excel format (download provided at the end of the article). You can even track the test execution in the same file with pass/fail results and status.**

This could be an all-in-one resource for QA teams to test and track the most common components of AUT.  You can add or update test cases specific to your application and make it an even more comprehensive list.

Lưu ý: Bạn có thể sử dụng các danh sách kiểm tra này vì nó ở định dạng Microsoft Excel. Bạn thậm chí có thể theo dõi việc thực thi thử nghiệm trong cùng một tệp với kết quả và trạng thái đạt / không đạt.

Đây có thể là tài nguyên tất cả trong một cho các nhóm QA để kiểm tra và theo dõi các thành phần phổ biến nhất của AUT. Bạn có thể thêm hoặc cập nhật các trường hợp thử nghiệm cụ thể cho ứng dụng của mình và làm cho nó trở thành một danh sách toàn diện hơn.

**Checklist**

#### Checklist #4: List-box or Drop-down List Testing Checklist

***List Box/Dropdown:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ADD (In add screen)**  Thêm (trong màn hình thêm) | **EDIT (in Edit screen)**  Chỉnh sửa (trong màn hình chỉnh sửa) |
| Header (đầu) |  |  |
| The correctness of Existed Data (Tính đúng đắn của dự liệu) |  |  |
| Order of Data (Thứ tự dữ liệu) |  |  |
| Selection and Deselection (Lựa chọn và loại bỏ) |  |  |
| Alert (thông báo) |  |  |
| Spelling and Grammar of Alert message (Thông báo chính tả và ngữ pháp của alert) |  |  |
| Cursor after alert (Con trỏ sau khi có alert) |  |  |
| Reflection of Selection and Deselection in remaining fields(Phản ánh sự lựa chọn và loại bỏ trong các trường còn lại) |  |  |

Checklist #5: Checkbox Field Testing Checklist

***CheckBox:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ADD (In add screen)**  Thêm (trong màn hình thêm) | **EDIT (in Edit screen)**  Chỉnh sửa (trong màn hình chỉnh sửa) |
| Default Selection (Lựa chọn mặc định) |  |  |
| Action after selection (Hành động sau khi lựa chọn) |  |  |
| Action after de-selection (Hành động sau khi bỏ chọn) |  |  |
| Selection and Deselection (Lựa chọn và Loại bỏ) |  |  |
| Alert: |  |  |
| Spelling and Grammar of Alert message (Thông báo chính tả và ngữ pháp của alert) |  |  |
| Cursor after alert (Con trỏ sau khi cảnh báo) |  |  |
| Reflection of Selection and Deselection in remaining fields (Phản ánh sự lựa chọn và loại bỏ trong các trường còn lại) |  |  |

Checklist #6: Radio Button Testing Checklist

***Radio button:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ADD (In add screen)**  Thêm (trong màn hình thêm) | **EDIT (in Edit screen)**  Chỉnh sửa (trong màn hình chỉnh sửa) |
| Default Selection (Lựa chọn mặc định) |  |  |
| Action after selection (Hành động sau khi lựa chọn) |  |  |
| Action after de-selection (Hành động sau khi bỏ chọn) |  |  |
| Selection and Deselection (Lựa chọn và Loại bỏ) |  |  |
| Alert: |  |  |
| Spelling and Grammar of Alert message (Thông báo chính tả và ngữ pháp của alert) |  |  |
| Cursor after alert (Con trỏ sau khi cảnh báo) |  |  |
| Reflection of Selection and Deselection in remaining fields (Phản ánh sự lựa chọn và loại bỏ trong các trường còn lại) |  |  |

Checklist #7: Date Field Test Scenarios

***Date field:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **ADD (In add screen)** | **EDIT (in Edit screen)** |
| Default date display (Hiển thị ngày mặc định) |  |  |
| Design of calendar (Thiết kế lịch) |  |  |
| Navigation for different months and years in date control (Điều hướng cho các tháng và năm khác nhau trong kiểm soát ngày tháng) |  |  |
| Manual Entry in date text box (Nhập thủ công trong hộp văn bản ngày) |  |  |
| Date format and uniformity with the overall application (Định dạng ngày tháng và tính đồng nhất với toàn bộ ứng dụng) |  |  |
| Alert: |  |  |
| Spelling and Grammar of Alert message (Thông báo chính tả và ngữ pháp của alert) |  |  |
| Cursor after alert (Con trỏ sau khi cảnh báo) |  |  |
| Reflection of Selection and Deselection in remaining fields (Phản ánh sự lựa chọn và loại bỏ trong các trường còn lại) |  |  |

Checklist #10: Delete Button Testing Points

***Delete:***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **EDIT (in Edit screen)**  Chỉnh sửa (trong màn hình chỉnh sửa) |
| Delete the record which is not used anywhere in the application (Xóa bản ghi không được sử dụng ở bất kỳ đâu trong ứng dụng) |  |
| Delete the record which has a dependency (Xóa bản ghi có phần phụ thuộc) |  |
| Add the new record with same deleted details again(Thêm lại bản ghi mới với các chi tiết đã xóa tương tự) |  |

Checklist #11: To Verify Impacted Areas after Save or Update (Để xác minh các khu vực bị ảnh hưởng sau khi lưu hoặc cập nhật)

***After Saving/updating:***

|  |  |
| --- | --- |
| Display in View (Hiển thị trong Chế độ xem) |  |
| Reflection in impacted forms in the application (Phản ánh trong các hình thức bị ảnh hưởng trong ứng dụng) |  |

Checklist #12: Data Grid Testing List

***Data Grid:***

|  |  |
| --- | --- |
| Grid Title and spelling |  |
| Form Before giving any data |  |
| Message Before giving any data |  |
| Spellings |  |
| Alignments |  |
| S No |  |
| Field Names & Order |  |
| The correctness of Existed data |  |
| Order of Existed data |  |
| Alignment of Existed data |  |
| Page navigators |  |
| Data when navigating with different pages |  |

**Edit Link Functionality**

|  |  |
| --- | --- |
| Page after Edit: |  |
| Title and spellings |  |
| Existed data of the Selected record in each field |  |
| Buttons |  |